

UBND TỈNH TIỀN GIANG
SỞ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ MẪU VỀ QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-SCN
ngày 22/11/2006 của Giám đốc Sở Công nghiệp tỉnh Tiền Giang)*

ĐIỀU LỆ VỀ QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP

(MẪU)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../200..../QĐ-UBND
ngày..... tháng..... năm 200... của Ủy ban nhân dân huyện (thành, thị).....)*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng.

Điều lệ này quy định cụ thể việc quản lý và điều hành cụm công nghiệp, tuyến công nghiệp, điểm công nghiệp (gọi chung là cụm công nghiệp) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định thành lập (hoặc cho phép thành lập) tại Quyết định số/...../QĐ-UBND ngày/...../..... của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Phân định chung về quản lý và điều hành.

- Ủy ban nhân dân huyện, thành, thị (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) có trách nhiệm trực tiếp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn theo Quyết định số 55/2006/QĐ-UBND ngày 17/10/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc ban hành Quy chế quản lý các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Cơ quan chuyên môn do Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền hoặc thành lập (Phòng Kinh tế, Phòng Công nghiệp - Khoa học công nghệ hoặc Ban Quản lý cụm công nghiệp) có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý cụm công nghiệp và thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao;

- Các cơ quan chuyên môn liên quan khác có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý cụm công nghiệp thực hiện nhiệm vụ quản lý thuộc lĩnh vực ngành được giao;

- Nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp thực hiện chức năng đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, kinh doanh các dịch vụ trong cụm công nghiệp theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN

TRONG VIỆC QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 3. Cơ quan chuyên môn cấp huyện quản lý cụm công nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Quản lý việc xây dựng trong cụm công nghiệp theo quy hoạch chi tiết, tiến độ xây dựng, phát triển cụm công nghiệp bao gồm: công trình kết cấu hạ tầng trong và ngoài cụm công nghiệp, khu tái định cư, lao động phục vụ cho cụm công nghiệp, quy hoạch bố trí ngành nghề. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các công trình kết cấu hạ tầng trong và ngoài cụm công nghiệp để đưa vào hoạt động đồng bộ theo đúng quy hoạch và tiến độ được duyệt;

2. Tiếp nhận Bản đăng ký hoặc Bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư kèm theo dự án đầu tư, theo cơ chế “một cửa” để chuyển đến các cơ quan chức năng giải quyết;

3. Vận động, hỗ trợ vận động đầu tư vào cụm công nghiệp;

4. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hợp đồng lao động, an toàn lao động, an toàn trật tự, vệ sinh môi trường, kỹ thuật an toàn công nghiệp, thỏa ước lao động tập thể, tiền lương, ...; việc thực hiện giấy chứng nhận đầu tư, đăng ký kinh doanh, các hợp đồng và các tranh chấp khác theo yêu cầu của đương sự;

5. Xem xét, giải quyết các kiến nghị của doanh nghiệp trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện; nếu vượt quá thẩm quyền thì kiến nghị, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, giải quyết.

6. Tham gia xác định giá giao đất, cho thuê đất, cho thuê lại đất, phí hạ tầng và dịch vụ:

- Tham gia xác định giá giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài có dự án đầu tư trong cụm công nghiệp và các nhà đầu tư trong nước.

- Tham gia xác định giá cho thuê đất, cho thuê lại đất đối với các nhà đầu tư trong nước, nước ngoài.

- Quản lý các hoạt động dịch vụ trong cụm công nghiệp.

7. Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc khi có yêu cầu về tình hình xây dựng cụm công nghiệp và sản xuất công nghiệp trong cụm công nghiệp đến Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Công nghiệp.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn khác ở cấp huyện (như Phòng Tài chính Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp - Tài nguyên môi trường, Phòng Hạ tầng kinh tế,...) trong việc phối hợp với cơ quan chuyên môn trực tiếp quản lý cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể tại Điều lệ này (hoặc ban hành riêng Quy chế phối hợp trách nhiệm của các cơ quan trong việc quản lý cụm công nghiệp...).

Điều 5. Cơ quan chuyên môn quản lý cụm công nghiệp chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Công nghiệp và các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan.

Chương III

NHÀ ĐẦU TƯ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG

Điều 6. Nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Phải chứng minh đầy đủ năng lực tài chính cần thiết, năng lực kêu gọi đầu tư và năng lực chuyên môn về đầu tư hạ tầng đảm bảo thực hiện dự án theo tiến độ được duyệt;

2. Lập và trình Dự án tổng thể về phát triển các công trình kết cấu hạ tầng của cụm công nghiệp;

3. Đăng ký quyền sử dụng đất, làm đầy đủ các thủ tục khi chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

4. Xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo đúng qui hoạch chi tiết, thiết kế và tiến độ được duyệt; đất được nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liền hoặc tiến độ sử dụng đất chậm hơn 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa mà không được cơ quan có thẩm quyền quyết

định giao đất, cho thuê đất đó cho phép thì sẽ bị thu hồi đất và không bồi thường về đất;

5. Trong suốt thời gian hoạt động của mình, nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng phải:

- Sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định. Duy tu, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng, nhà xưởng cho thuê và đảm bảo các dịch vụ đã ký (đây là nghĩa vụ đồng thời cũng là quyền lợi của nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng vì sẽ ràng buộc trong hợp đồng chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại hạ tầng với thành phần kinh tế khác định đầu tư sản xuất kinh doanh tại cụm công nghiệp).

- Bảo đảm vệ sinh, bảo vệ môi sinh, môi trường trong và ngoài hàng rào cụm công nghiệp.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ cho cơ quan chuyên môn quản lý cụm công nghiệp.

6. Vận động đầu tư vào cụm công nghiệp theo quy hoạch đã duyệt.

7. Nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng được giao đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất và có các quyền sau:

- Chuyển nhượng hoặc cho thuê lại đất tùy theo đối tượng theo quy định tại Luật Đất đai (riêng trường hợp cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách sẽ do nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất).

- Xác định giá bán hoặc cho thuê nhà xưởng, phí dịch vụ do nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng đầu tư.

- Được ủy thác cho đơn vị khác hoặc trực tiếp thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng, nhà xưởng đã cho thuê và phải chịu trách nhiệm về chất lượng và thời gian hoàn thành theo hợp đồng đã ký.

8. Kinh doanh các dịch vụ trong cụm công nghiệp phải phù hợp với Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ quản lý cụm công nghiệp.

Trong quá trình hoạt động, nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định về đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư, quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng, quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

Chương IV

NHÀ ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 7. Nhà đầu tư trong và ngoài nước muốn đầu tư vào cụm công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện quy định theo pháp luật hiện hành và phải tuân thủ Điều lệ này.

Điều 8. Các dự án thuộc ngành sản xuất công nghiệp sau đây được ưu tiên đầu tư vào cụm công nghiệp.....(do Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể tại điều lệ này sau khi thống nhất với Sở Công nghiệp).

Điều 9. Nhà đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp được sử dụng các dịch vụ xử lý nước thải, xử lý chất thải, cấp điện, cấp nước, vệ sinh và các tiện ích công cộng trong cụm công nghiệp thông qua hợp đồng kinh tế với nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng hoặc nhà đầu tư kinh doanh dịch vụ.

Điều 10. Thủ tục đăng ký đầu tư

1. Đối với dự án đầu tư trong nước:

- Đối với dự án dưới mười lăm tỷ đồng Việt Nam và không thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện, nhà đầu tư không phải làm thủ tục đăng ký đầu tư, trừ trường hợp xác nhận ưu đãi đầu tư vào Giấy chứng nhận đầu tư.

- Đối với dự án có quy mô từ mười lăm tỷ đồng Việt Nam đến dưới ba trăm tỷ đồng Việt Nam và không thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện, nhà đầu tư thực hiện đăng ký đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư; nếu có yêu cầu thì được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

- Nếu thủ tục đầu tư gắn với thành lập tổ chức kinh tế, nhà đầu tư thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Nội dung đăng ký đầu tư theo quy định khoản 3 Điều 45 của Luật Đầu tư.

2. Đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài

- Đối với dự án có quy mô đầu tư dưới ba trăm tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư làm thủ tục đăng ký đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

- Hồ sơ đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Luật Đầu tư

3. Thẩm tra dự án đầu tư:

Đối với dự án đầu tư trong nước, dự án có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô đầu tư từ ba trăm tỷ đồng Việt Nam trở lên và dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì phải thực hiện thủ tục thẩm tra dự án đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

4. Mọi giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh, bổ sung Giấy chứng nhận đầu tư phải được tiến hành theo đúng quy định và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

Mọi thay đổi thành phần, cơ cấu bộ máy quản lý đều phải báo cáo kịp thời bằng văn bản cho cơ quan quản lý cụm công nghiệp cấp huyện.

Điều 11: Nhà đầu tư sản xuất trong cụm công nghiệp phải tuân thủ quy định của các cơ quan hành chính nhà nước về: xây dựng, kỹ thuật an toàn công nghiệp (máy, thiết bị, hóa chất độc hại), an toàn điện,...; chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật. Các quyền và nghĩa vụ khác của doanh nghiệp được quy định tại Quy chế quản lý các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (Điều lệ có thể ghi lại các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo Quy chế), đồng thời được hưởng các quy định về ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

Chương V

SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NHÀ XƯỞNG

Điều 12: Địa điểm lập doanh nghiệp trong cụm công nghiệp do nhà đầu tư sản xuất thỏa thuận với nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng có sự giám sát của cơ quan chuyên môn quản lý cụm công nghiệp và phù hợp theo quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp đã được phê duyệt.

Điều 13: Trình tự thủ tục đầu tư:

1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất tại cơ quan chuyên môn quản lý cụm công nghiệp, cụ thể như sau:

a) Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài xin giao đất, thuê đất; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài xin thuê đất nộp 02 bộ hồ sơ tại cơ quan chuyên môn quản lý cụm công nghiệp và cơ quan này chuyển hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Hộ gia đình, cá nhân xin giao đất, thuê đất nộp 02 bộ hồ sơ tại cơ quan chuyên môn quản lý cụm công nghiệp và cơ quan này chuyển hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Hồ sơ xin giao đất, thuê đất gồm đơn xin giao đất, thuê đất (theo mẫu quy định); dự án đầu tư của tổ chức theo quy định của pháp luật về đầu tư; đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài thì phải có dự án đầu tư và bản sao giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư có chứng nhận của công chứng nhà nước.

3. Thời hạn giải quyết các thủ tục hành chính về giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện theo khoản 2, khoản 3 tại Điều 122 Luật Đất đai năm 2003.

Điều 14: Mọi thay đổi mục đích sử dụng đất, sử dụng nhà xưởng, nhà đầu tư sản xuất trong cụm công nghiệp phải thỏa thuận với nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng; báo cáo với cơ quan quản lý cụm công nghiệp và chỉ được thực hiện khi được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15: Khi thiết kế và xây dựng phải tuân thủ theo quy hoạch chi tiết đã được duyệt; tuân thủ theo Điều lệ quản lý xây dựng cụm công nghiệp. Việc thẩm định thiết kế các công trình trong cụm công nghiệp được thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Xây dựng.

Trong quá trình hoạt động, nếu nhà đầu tư sản xuất gây ảnh hưởng đến công trình công cộng, hoặc sử dụng các công trình công cộng, hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng chung trong cụm công nghiệp thì nhà đầu tư sản xuất phải có thỏa thuận trước và được sự đồng ý của nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng hoặc cơ quan chuyên môn quản lý cụm công nghiệp.

Điều 16: Trong thời hạn còn hiệu lực của Giấy chứng nhận đầu tư, sau khi được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư chấp thuận, nhà đầu tư có thể chuyển nhượng tài sản của mình trong cụm công nghiệp cho nhà đầu tư khác phù hợp với pháp luật Việt Nam. Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện tiếp các hợp đồng mà bên chuyển nhượng đã ký với nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng và kinh doanh dịch vụ.

Chương VI

CÁC VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN VÀ NGOẠI HỐI

Điều 17: Các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp có nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Người lao động trong cụm công nghiệp phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 18: Các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp có thể áp dụng chế độ kế toán thống kê hiện hành của Việt Nam hoặc áp dụng chế độ kế toán thống kê khác theo quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế phổ biến được Bộ Tài chính, Tổng cục Thống kê chấp thuận và thực hiện lưu trữ theo quy định.

Điều 19: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán về giá trị là đồng Việt Nam hoặc có thể sử dụng một đơn vị tiền tệ nước ngoài do doanh nghiệp đề nghị và được Bộ Tài chính chấp thuận. Trường hợp chứng từ kế toán được ghi bằng đơn vị tiền tệ khác thì phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ đã chọn theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Về hiện vật, phải sử dụng các đơn vị đo lường chính thức của Việt Nam. Trường hợp chứng từ kế toán đã được ghi bằng đơn vị đo lường khác thì phải quy đổi ra đơn vị đo lường chính thức của Việt Nam.

Điều 20: Các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp nộp thuế, nộp các loại phí, lệ phí bằng tiền Việt Nam hoặc bằng một đồng tiền nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Trường hợp nộp bằng tiền nước ngoài thì quy đổi ra đơn vị tiền tệ đã chọn theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm nộp.

Điều 21: Niên độ kế toán tính theo năm dương lịch từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Riêng năm tài chính đầu tiên được tính từ ngày cấp giấy phép đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Quý tính từ ngày 01 tháng đầu của quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý.

Tháng tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng. Doanh nghiệp có thể áp dụng năm tài chính 12 tháng không trùng với năm dương lịch nhưng phải được Bộ Tài chính chấp thuận.

Điều 22: Các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp phải lập báo cáo kế toán theo đúng chế độ báo cáo kế toán đã đăng ký và được chấp thuận.

Báo cáo kế toán của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải được một công ty kiểm toán độc lập xác nhận trước khi gửi đi.

Báo cáo kế toán, báo cáo thống kê phải gửi cho cơ quan chuyên môn quản lý cụm công nghiệp và các cơ quan nhà nước khác theo quy định hiện hành.

Trong trường hợp cần thiết, doanh nghiệp trong cụm công nghiệp phải cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu theo yêu cầu kiểm tra của các cơ quan nhà nước thực hiện việc kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp theo chức năng, thẩm quyền được pháp luật quy định.

Điều 23: Việc hạch toán, kiểm kê, lưu trữ trong doanh nghiệp phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 24: Các hoạt động giao dịch và thanh toán bằng ngoại tệ trong cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định của Nhà nước Việt Nam về quản lý ngoại hối.

Chương VII

LAO ĐỘNG TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 25: Cơ quan quản lý cụm công nghiệp theo dõi, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp thực hiện các chính sách, chế độ về lao động đối với người lao động làm việc tại cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động.

Điều 26: Doanh nghiệp trong cụm công nghiệp ưu tiên sử dụng lao động người Việt Nam. Đối với những loại công việc mà lao động Việt Nam chưa đáp ứng được thì doanh nghiệp được phép thuê lao động người nước ngoài trong thời hạn nhất định. Trong thời hạn đó, doanh nghiệp phải có kế hoạch đào tạo lao động người Việt Nam làm được công việc đó để thay thế.

Điều 27: Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, doanh nghiệp lập và chuyển đến cơ quan quản lý cụm công nghiệp kế hoạch về nhu cầu lao động, kế hoạch và yêu cầu tuyển dụng, kế hoạch đào tạo, huấn luyện, kể cả gửi đi đào tạo huấn luyện ở nước ngoài (nếu có).

Điều 28: Việc tuyển dụng lao động Việt Nam vào làm việc tại các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về lao động.

Điều 29: Việc thương lượng, ký kết, đăng ký thỏa ước lao động tập thể phải được thực hiện theo các quy định của pháp luật về lao động.

Trong trường hợp sát nhập, phân chia doanh nghiệp, chuyển quyền sở hữu, quyền quản lý hoặc quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp thì chủ sở hữu mới hoặc người sử dụng lao động kế tiếp phải có trách nhiệm thực hiện thỏa ước lao động tập thể và các hợp đồng lao động đã ký kết cho tới khi các bên thỏa thuận sửa đổi, chấm dứt hoặc ký kết hợp đồng mới.

Chương VIII

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 30: Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp khi lập Dự án đầu tư sản xuất phải có phương án xử lý nước thải kèm theo và phải xử lý sơ bộ nước thải đạt tiêu chuẩn theo hợp đồng kinh tế ký kết với đơn vị kinh doanh dịch vụ xử lý nước thải của cụm công nghiệp (quy định trong hợp đồng với đơn vị kinh doanh dịch vụ xử lý nước thải phải ghi rõ lượng, chỉ tiêu hóa - lý, vi sinh phù hợp với công suất và khả năng của nhà máy xử lý).

Điều 31: Nước thải trong cụm công nghiệp khi đưa ra ngoài phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường của pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp nước thải từ cụm công nghiệp chưa được xử lý đúng mức, gây ô nhiễm môi trường quá giới hạn cho phép thì tổ chức, cá nhân gây ra ô nhiễm phải bồi thường thiệt hại và có biện pháp khắc phục theo quy định pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường.

Điều 32: Khí thải và bụi công nghiệp phải được doanh nghiệp tự xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn bảo vệ môi trường do Nhà nước Việt Nam quy định và tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại về ô nhiễm do mình gây ra.

- Chất thải rắn là phế liệu, phế phẩm có giá trị thương mại, doanh nghiệp có thể bán và thực hiện các nghĩa vụ về thuế như trường hợp tiêu thụ sản phẩm hàng hóa khác của doanh nghiệp; nếu không có giá trị thương mại thì doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ xử lý theo hợp đồng kinh tế ký với doanh nghiệp.

Chương IX

AN NINH - AN TOÀN - TRẬT TỰ CÔNG CỘNG

Điều 33: Doanh nghiệp được quyền quy định chế độ kiểm tra, quản lý đối với hàng hóa, phương tiện, người lao động, khách hàng, khách thăm của doanh nghiệp nhằm đảm bảo an toàn, bí mật công nghệ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 34: Doanh nghiệp liên hệ với Công an cấp huyện để được hướng dẫn và tự chịu trách nhiệm về tổ chức phòng, chống cháy nổ; đảm bảo an ninh trật tự tại cơ sở của mình và tuân thủ mọi quy định của Nhà nước Việt Nam trên lĩnh vực này.

Điều 35: Hệ thống đường giao thông trong cụm công nghiệp phải được phân tuyến, phân làn, được trang bị biển báo và hiệu lệnh giao thông phù hợp với pháp luật về giao thông vận tải của Việt Nam.

Chương X

XỬ LÝ TRANH CHẤP VÀ CHẾ TÀI

Điều 36: Các tranh chấp liên quan đến các hợp đồng kinh tế trước tiên phải được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp không hòa giải được, các bên đưa vụ tranh chấp ra trọng tài hoặc tòa án mà các bên đã thỏa thuận khi ký kết hợp đồng.

Điều 37: Các tranh chấp về quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động phải được giải quyết trước hết thông qua thương lượng, hòa giải giữa tổ chức Công đoàn hoặc đại diện tập thể lao động với người sử dụng lao động, có sự chứng kiến, tham gia của đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức Công đoàn cấp trên của doanh nghiệp (nếu có).

Trong trường hợp không hòa giải được, vấn đề tranh chấp được đưa ra xem xét, giải quyết theo quy định của Bộ luật Lao động Việt Nam.

Việc giải quyết tranh chấp phải được công khai, khách quan, kịp thời, nhanh chóng, đúng pháp luật.

Điều 38: Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong cụm công nghiệp được xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chương XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39: Cơ quan chuyên môn quản lý cụm công nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong cụm công nghiệp..... chịu trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

Điều 40: Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì cần sửa đổi, bổ sung Điều lệ này thì Ủy ban nhân dân cấp huyện trao đổi thống nhất với Sở Công nghiệp trước khi quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN.....

CHỦ TỊCH